

Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

Chi tiết câu hỏi và đáp án

Question 1-6

Read the following piece of news and mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 1 to 6. Heavy rains have hit Hanoi hard, creating 122 flooding spots that have paralysed 30 streets. The downpour brought (1) _____ to daily life, and traffic in many districts came to a standstill. While some people tried to (2) _____ floodwaters with sandbags and wooden boards, others waded through deep water to reach safety. There were residents (3) _____ homes were soaked and vehicles that were trapped in waterlogged roads. Authorities are working to pump out water and clear the streets, which had been turned into shallow rivers, (4) _____ normal life can resume. A large (5) _____ of shops, markets, and schools in the worst-hit areas were forced to close or move. This extreme weather, which wreaked havoc across the city, highlights how vulnerable urban areas remain to heavy rains and (6) _____.

DỊCH BÀI

DỊCH BÀI

Heavy rains have hit Hanoi hard, creating 122 flooding spots that have paralysed 30 streets. The downpour brought disruptions to daily life, and traffic in many districts came to a standstill. While some people tried to shut out floodwaters with sandbags and wooden boards, others waded through deep water to reach safety. There were residents whose homes were soaked and vehicles that were trapped in waterlogged roads. Authorities are working to pump out water and clear the streets, which had been turned into shallow rivers, so that normal life can resume. A large number of shops, markets, and schools in the worst-hit areas were forced to close or move. This extreme weather, which wreaked havoc across the city, highlights how vulnerable urban areas remain to heavy rains and poor drainage systems.

Mưa lớn đã trút xuống Hà Nội một cách dữ dội, tạo ra 122 điểm ngập khiến 30 tuyến phố tê liệt. Trận mưa như trút nước đã gây ra sự gián đoạn cho cuộc sống hằng ngày và khiến giao thông ở nhiều quận bị ngưng trệ hoàn toàn. Trong khi một số người cố gắng ngăn nước lũ bằng bao cát và ván gỗ thì những người khác lội qua vùng nước sâu để đến nơi an toàn. Có những người dân mà nhà của họ bị ngập và xe cộ bị mắc kẹt trên những con đường ngập nước. Các cơ quan chức năng đang tiến hành bơm nước và dọn sạch đường phố, vốn đã bị biến thành những con sông cạn, để cuộc sống bình thường có thể trở lại. Một số lượng lớn cửa hàng, chợ và trường học ở những khu vực bị ảnh hưởng nặng nề nhất buộc phải đóng cửa hoặc di dời. Thời tiết khắc nghiệt này, đã tàn phá khắp thành phố, cho thấy các khu vực đô thị vẫn dễ bị tổn thương trước mưa lớn và hệ thống thoát nước kém như thế nào.

Câu 1

A. disturbances

✓ **B. disruptions**

C. distortions

D. disabilities

→ **Chọn đáp án đúng: B. disruptions**

Kiến thức: Từ vựng theo ngữ cảnh

A. disturbance /dɪ'stɜːbəns/ (n): sự quấy rầy, sự xáo trộn

B. disruption /dɪs'rʌpʃn/ (n): sự gián đoạn, sự phá vỡ

C. distortion /dɪ'stɔːʃn/ (n): sự bóp méo (sự thật...)

D. disability /dɪsə'bɪləti/ (n): sự khuyết tật

- Ngữ cảnh của câu đang nói về cuộc sống hằng ngày bị ảnh hưởng nặng nề do lũ lụt nên 'disruptions' là phù hợp nhất.

Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

Tạm dịch:

The downpour brought disruptions to daily life, and traffic in many districts came to a standstill. (Trận mưa như trút nước đã gây ra sự gián đoạn cho cuộc sống hằng ngày và khiến giao thông ở nhiều quận bị ngưng trệ hoàn toàn.)

→ **Chọn đáp án B**

Câu 2

A. turn out

B. put out

✓ C. shut out

D. bring out

→ **Chọn đáp án đúng: C. shut out**

Kiến thức: Cụm động từ

A. turn out: hóa ra là

B. put out: dập tắt (lửa, ánh sáng); phát hành

C. shut out: ngăn chặn ai/cái gì xâm nhập vào một nơi

D. bring out: phát hành, xuất bản

Tạm dịch:

While some people tried to shut out floodwaters with sandbags and wooden boards, others waded through deep water to reach safety. (Trong khi một số người cố gắng ngăn nước lũ bằng bao cát và ván gỗ thì những người khác lội qua vùng nước sâu để đến nơi an toàn.)

→ **Chọn đáp án C**

Câu 3

A. where

B. who

C. whom

✓ D. whose

→ **Chọn đáp án đúng: D. whose**

Kiến thức: Mệnh đề quan hệ

- Đại từ quan hệ ‘whose’ thay cho tính từ sở hữu trong mệnh đề quan hệ => ‘whose’ cho thấy ‘homes’ (nhà) là của ‘residents’ (người dân).

Tạm dịch:

There were residents whose homes were soaked and vehicles that were trapped in waterlogged roads. (Có những người dân mà nhà của họ bị ngập và xe cộ bị mắc kẹt trên những con đường ngập nước.)

→ **Chọn đáp án D**

Câu 4

A. whereas

✓ B. so that

Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

- C. unless
- D. provided that

→ **Chọn đáp án đúng:** B. so that

Kiến thức: Liên từ và trạng từ liên kết

A. whereas: trong khi (thể hiện sự trái ngược/song song)

B. so that: để mà

C. unless: nếu không

D. provided that: nếu, giả sử

Tạm dịch:

Authorities are working to pump out water and clear the streets, which had been turned into shallow rivers, so that normal life can resume. (Các cơ quan chức năng đang tiến hành bơm nước và dọn sạch đường phố, vốn đã bị biến thành những con sông cạn, để cuộc sống bình thường có thể trở lại.)

→ **Chọn đáp án B**

Câu 5

- A. amount
- B. degree
- ✓ C. number
- D. volume

→ **Chọn đáp án đúng:** C. number

Kiến thức: Cụm từ chỉ lượng

A. an amount of + N (không đếm được): lượng

B. a degree of + N (không đếm được): mức độ

C. a number of + N (đếm được số nhiều): nhiều => a large number of: một số lượng lớn, rất nhiều

D. a volume of + N (không đếm được): lượng

- Ta có 'shops, markets, and schools' là cụm danh từ đếm được số nhiều nên ta chọn 'number'.

Tạm dịch:

A large number of shops, markets, and schools in the worst-hit areas were forced to close or move. (Một số lượng lớn cửa hàng, chợ và trường học ở những khu vực bị ảnh hưởng nặng nề nhất buộc phải đóng cửa hoặc di dời.)

→ **Chọn đáp án C**

Câu 6

- ✓ A. poor drainage systems
- B. systems poor drainage
- C. drainage poor systems
- D. poor systems drainage

→ **Chọn đáp án đúng:** A. poor drainage systems

Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

Kiến thức: Trật tự từ

- Ta có:

+ **drainage systems (n.p):** hệ thống thoát nước ('drainage' là danh từ phụ, đứng trước và bổ nghĩa cho danh từ chính 'systems')

+ **poor (adj):** kém

- Theo quy tắc trật tự từ, ta dùng tính từ đứng trước danh từ để bổ nghĩa nên ta chọn 'poor drainage systems'.

Tạm dịch:

This extreme weather, which wreaked havoc across the city, highlights how vulnerable urban areas remain to heavy rains and poor drainage systems. (Thời tiết khắc nghiệt này, đã tàn phá khắp thành phố, cho thấy các khu vực đô thị vẫn dễ bị tổn thương trước mưa lớn và hệ thống thoát nước kém như thế nào.)

→ **Chọn đáp án A**

Question 7-12

Read the following leaflet and mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 7 to 12. The Secret to Raising Siblings Who Get Along Raising children who live under the same roof can be joyful—but also challenging. Here are some tips that help build (7) _____ and harmony among siblings. Encourage teamwork through shared tasks, such as cleaning or cooking together, which helps them see each other as partners rather than rivals. (8) _____ clear family rules so everyone knows what is acceptable and what isn't. When boundaries are consistent, children feel more secure. Teach empathy, reminding (9) _____ child to listen before reacting. Understanding one another's feelings can reduce (10) _____. Avoid comparing one child (11) _____ another. Instead, celebrate individual strengths so no one feels left out or undervalued. Give siblings personal space and time with parents. Feeling equally valued prevents jealousy. Offer praise for kind gestures—acts (12) _____ care and patience—so that positive behaviour becomes a family habit. With patience and guidance, peace at home can truly last.

DỊCH BÀI

DỊCH BÀI	
The Secret to Raising Siblings Who Get Along	Bí Quyết Để Nuôi Dạy Những Anh Chị Em Hòa Thuận
Raising children who live under the same roof can be joyful - but also challenging. Here are some tips that help build cooperation and harmony among siblings.	Nuôi dạy những đứa trẻ sống chung dưới một mái nhà có thể là niềm vui - nhưng cũng đầy thử thách. Dưới đây là một số lời khuyên giúp xây dựng sự hợp tác và sự hòa hợp giữa các anh chị em.
<ul style="list-style-type: none"> Encourage teamwork through shared tasks, such as cleaning or cooking together, which helps them see each other as partners rather than rivals. 	<ul style="list-style-type: none"> Khuyến khích tinh thần đồng đội thông qua các nhiệm vụ chung, chẳng hạn như dọn dẹp hoặc nấu ăn cùng nhau, giúp chúng coi nhau là những cộng sự thay vì là đối thủ.
<ul style="list-style-type: none"> Set clear family rules so everyone knows what is acceptable and what isn't. When boundaries are consistent, children feel more secure. 	<ul style="list-style-type: none"> Đặt ra những quy tắc gia đình rõ ràng để mọi người biết điều gì có thể chấp nhận được và điều gì không. Khi ranh giới nhất quán, trẻ em sẽ cảm thấy an toàn hơn.
<ul style="list-style-type: none"> Teach empathy, reminding each child to listen before reacting. 	<ul style="list-style-type: none"> Dạy trẻ sự đồng cảm, nhắc nhở mỗi đứa trẻ lắng nghe trước khi

Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

Understanding one another's feelings can reduce disputes.	phản ứng. Hiểu được cảm xúc của nhau có thể làm giảm các cuộc tranh cãi.
<ul style="list-style-type: none"> Avoid comparing one child with another. Instead, celebrate individual strengths so no one feels left out or undervalued. 	<ul style="list-style-type: none"> Tránh so sánh đứa trẻ này với đứa trẻ khác. Thay vào đó, hãy tôn vinh những điểm mạnh của cá nhân để không ai cảm thấy bị bỏ rơi hoặc bị đánh giá thấp.
<ul style="list-style-type: none"> Give siblings personal space and time with parents. Feeling equally valued prevents jealousy. 	<ul style="list-style-type: none"> Dành cho các anh chị em không gian và thời gian riêng tư với cha mẹ. Cảm thấy được đánh giá ngang nhau sẽ ngăn chặn sự ghen tị.
<ul style="list-style-type: none"> Offer praise for kind gestures - acts showing care and patience - so that positive behaviour becomes a family habit. 	<ul style="list-style-type: none"> Khen ngợi những cử chỉ tử tế - những hành động thể hiện sự quan tâm và sự kiên nhẫn - để những hành vi tích cực trở thành thói quen trong gia đình.
With patience and guidance, peace at home can truly last.	Với sự kiên nhẫn và hướng dẫn, sự bình yên trong gia đình có thể thực sự kéo dài.

Câu 7

- A. cooperate
- B. cooperatively
- C. cooperative

✓ **D. cooperation**

→ **Chọn đáp án đúng: D. cooperation**

Kiến thức: Từ loại

- A. cooperate** /kəʊ'pəreɪt/ (v): hợp tác
- B. cooperatively** /kəʊ'pərətɪvli/ (adv): một cách hợp tác
- C. cooperative** /kəʊ'pərətɪv/ (adj): có tính hợp tác
- D. cooperation** /kəʊ'pə'reɪʃn/ (n): sự hợp tác

- Sau động từ 'build', ta cần một danh từ song hành với 'harmony' nên ta chọn 'cooperation'.

Tạm dịch:

Here are some tips that help build cooperation and harmony among siblings. (Dưới đây là một số lời khuyên giúp xây dựng sự hợp tác và sự hòa hợp giữa các anh chị em.)

→ **Chọn đáp án D**

Câu 8

- A. Put
- B. Lay
- ✓ **C. Set**
- D. Bring

→ **Chọn đáp án đúng: C. Set**

Kiến thức: Cụm từ cố định (Collocations)

Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

- set rules: đặt ra những quy tắc, luật lệ

Tạm dịch:

Set clear family rules so everyone knows what is acceptable and what isn't. (Đặt ra những quy tắc gia đình rõ ràng để mọi người biết điều gì có thể chấp nhận được và điều gì không.)

→ **Chọn đáp án C**

Câu 9

A. other

B. a few

C. a little

✓ **D. each**

→ **Chọn đáp án đúng: D. each**

Kiến thức: Lượng từ

A. other + N (đếm được số nhiều/không đếm được): những người/cái khác

B. a few + N (đếm được số nhiều): một ít, một vài

C. a little + N (không đếm được): một ít, một chút

D. each + N (đếm được số ít): mỗi

- Ta có 'child' là danh từ đếm được số ít nên ta chọn 'each'.

Tạm dịch:

Teach empathy, reminding each child to listen before reacting. (Dạy trẻ sự đồng cảm, nhắc nhở mỗi đứa trẻ lắng nghe trước khi phản ứng.)

→ **Chọn đáp án D**

Câu 10

A. distinctions

✓ **B. disputes**

C. violations

D. demands

→ **Chọn đáp án đúng: B. disputes**

Kiến thức: Từ vựng theo ngữ cảnh

A. distinction /di'strɪŋkʃn/ (n): sự khác biệt

B. dispute /di'spju:t/ (n): cuộc tranh cãi, cuộc tranh luận

C. violation /ˌvaɪə'leɪʃn/ (n): sự vi phạm

D. demand /dr'mɑ:nd/ (n): nhu cầu, yêu cầu

Tạm dịch:

Understanding one another's feelings can reduce disputes. (Hiểu được cảm xúc của nhau có thể làm giảm các cuộc tranh cãi.)

→ **Chọn đáp án B**

Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

Câu 11

- A. for
- B. from
- C. of

✓ **D. with**

→ **Chọn đáp án đúng: D. with**

Kiến thức: Giới từ

- compare somebody with somebody: so sánh ai với ai

Tạm dịch:

Avoid comparing one child with another. (Tránh so sánh đứa trẻ này với đứa trẻ khác.)

→ **Chọn đáp án D**

Câu 12

- A. showed
- B. show
- C. have shown

✓ **D. showing**

→ **Chọn đáp án đúng: D. showing**

Kiến thức: Rút gọn mệnh đề quan hệ

- Ta thấy câu đã có đầy đủ chủ ngữ chính và động từ chính nên ta có thể dùng mệnh đề quan hệ hoặc mệnh đề quan hệ rút gọn để bổ nghĩa cho 'acts'.

- Để rút gọn mệnh đề quan hệ dạng chủ động, ta lược bỏ đại từ quan hệ và to be (nếu có), chuyển V sang V-ing (which show → showing).

Tạm dịch:

Offer praise for kind gestures - acts showing care and patience - so that positive behaviour becomes a family habit. (Khen ngợi những cử chỉ tử tế - những hành động thể hiện sự quan tâm và sự kiên nhẫn - để những hành vi tích cực trở thành thói quen trong gia đình.)

→ **Chọn đáp án D**

Question 13-17

Mark the letter A, B, C or D to indicate the best arrangement of utterances or sentences to make a meaningful exchange or text in each of the following questions from 13 to 17.

Câu 13

a. Huy: Yeah, I have. I'm thinking of donating some clothes and food this weekend. b. Linh: From my perspective, helping together makes our support much more meaningful. c. Linh: That's great! I plan to send some money through a local charity. d. Linh: Have you seen the news about the floods in the central region? It's heartbreaking. e. Huy: Good idea. We could even organise a small donation drive at school.

A. b - e - d - a - c

✓ **B. d - a - c - e - b**

C. c - e - d - a - b

Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

D. b – a – c – e – d

→ **Chọn đáp án đúng:** B. d – a – c – e – b

Kiến thức: Sắp xếp đoạn hội thoại 5 câu	
DỊCH BÀI	
- Linh: Have you seen the news about the floods in the central region? It's heartbreaking.	- Linh: Cậu đã xem tin tức về lũ lụt ở miền Trung chưa? Thật đau lòng quá.
- Huy: Yeah, I have. I'm thinking of donating some clothes and food this weekend.	- Huy: Tớ đã xem rồi. Tớ đang nghĩ đến việc quyên góp một số quần áo và thực phẩm vào cuối tuần này.
- Linh: That's great! I plan to send some money through a local charity.	- Linh: Tuyệt quá! Tớ dự định gửi một ít tiền thông qua một tổ chức từ thiện địa phương.
- Huy: Good idea. We could even organise a small donation drive at school.	- Huy: Ý tưởng hay đấy. Chúng ta thậm chí có thể tổ chức một đợt quyên góp nhỏ ở trường.
- Linh: From my perspective, helping together makes our support much more meaningful.	- Linh: Theo quan điểm của tớ, việc cùng nhau giúp đỡ khiến sự giúp đỡ của chúng ta có ý nghĩa hơn rất nhiều.
→ Chọn đáp án B	

Câu 14

a. For some, the admiration of strangers replaces genuine connection, creating a quiet sense of emptiness behind the screen. b. The visibility offered by social media turns ordinary moments into performances, shaping how people present themselves to the world. c. Online fame has become a modern obsession, attracting countless individuals eager for recognition. d. Fame achieved through a viral post can disappear as quickly as it arrives, leaving many chasing the next burst of attention. e. What seems like success, therefore, often reveals the fragility of validation built on fleeting applause.

A. d – a – b – e – c

B. c – d – e – a – b

C. d – b – e – c – a

✓ **D. c – b – d – a – e**

→ **Chọn đáp án đúng:** D. c – b – d – a – e

Kiến thức: Sắp xếp đoạn văn	
DỊCH BÀI	
Online fame has become a modern obsession, attracting countless individuals eager for recognition. The visibility offered by social media turns ordinary moments into performances, shaping how people present themselves to the world. Fame achieved through a viral post can disappear as quickly as it arrives, leaving many chasing the next burst of attention. For some, the admiration of strangers replaces genuine connection, creating a quiet sense of emptiness behind the screen. What	Sự nổi tiếng trực tuyến đã trở thành một nỗi ám ảnh thời hiện đại, thu hút vô số cá nhân khao khát được công nhận. Khả năng dễ được chú ý do mạng xã hội mang lại sẽ biến những khoảnh khắc bình thường thành các màn trình diễn, định hình cách mọi người thể hiện bản thân với thế giới. Sự nổi tiếng đạt được nhờ một bài đăng lan truyền mạnh mẽ có thể biến mất nhanh chóng như khi nó xuất hiện, khiến nhiều người phải theo đuổi sự chú ý tiếp theo. Đối với một số người, sự ngưỡng mộ của người xa lạ

Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

seems like success, therefore, often reveals the fragility of validation built on fleeting applause.	thay thế sự kết nối chân thật, tạo ra một cảm giác trống rỗng thảm lạng phía sau màn hình. Do đó, điều tưởng chừng như là thành công thường bộc lộ sự mong manh của sự công nhận được xây dựng trên sự tán thưởng thoáng qua.
→ Chọn đáp án D	

Câu 15

Dear Green Paw Animal Shelter, a. Could you please share more details about the volunteer requirements and available schedules? b. Caring for abandoned animals has always been a cause close to my heart, and your shelter's work truly inspires me. c. My previous experience at a local rescue centre taught me how patience and consistency can make frightened animals trust again. d. Your guidance will help me prepare properly before joining your dedicated team. e. Having some free time this summer, I would love to contribute by helping with daily care or adoption events. Best regards, Lan Nguyen

✓ **A. b – e – c – a – d**

B. e – d – c – b – a

C. c – b – d – e – a

D. a – b – e – d – c

→ **Chọn đáp án đúng: A. b – e – c – a – d**

Kiến thức: Sắp xếp lá thư	
DỊCH BÀI	
Dear Green Paw Animal Shelter,	Kính gửi Trung tâm cứu trợ Động vật Green Paw,
Caring for abandoned animals has always been a cause close to my heart, and your shelter's work truly inspires me. Having some free time this summer, I would love to contribute by helping with daily care or adoption events. My previous experience at a local rescue centre taught me how patience and consistency can make frightened animals trust again. Could you please share more details about the volunteer requirements and available schedules? Your guidance will help me prepare properly before joining your dedicated team.	Việc chăm sóc những động vật bị bỏ rơi luôn là một mục tiêu sâu sắc trong trái tim tôi và công việc của trung tâm cứu trợ của bạn thực sự truyền cảm hứng cho tôi. Vì có thời gian rảnh trong mùa hè này, tôi rất muốn đóng góp bằng cách giúp đỡ trong các công việc chăm sóc hàng ngày hoặc các trường hợp nhận nuôi. Kinh nghiệm trước đây của tôi tại một trung tâm cứu hộ địa phương đã dạy tôi rằng sự kiên nhẫn và nhất quán có thể khiến những con vật sợ hãi tin tưởng trở lại như thế nào. Bạn có thể vui lòng chia sẻ thêm chi tiết về các yêu cầu danh cho tình nguyện viên và lịch trình hiện có không? Sự hướng dẫn của bạn sẽ giúp tôi chuẩn bị kỹ càng trước khi gia nhập đội ngũ tận tâm của bạn.
Best regards, Lan Nguyen	Trân trọng, Lan Nguyễn
→ Chọn đáp án A	

Câu 16

a. Mai: If everyone reduced single-use plastic, the difference would be huge. b. Mai: I can't believe how much plastic ends up in the river every day. c. Huy: Yeah, it's scary. Even small bottles we throw away can harm wildlife.

Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

- A. b – a – c
- B. a – c – b
- C. a – b – c
- ✓ **D. b – c – a**

→ **Chọn đáp án đúng:** D. b – c – a

Kiến thức: Sắp xếp đoạn hội thoại 3 câu	
DỊCH BÀI	
- Mai: I can't believe how much plastic ends up in the river every day.	- Mai: Tôi không thể tin được mỗi ngày có bao nhiêu nhựa thải ra sông.
- Huy: Yeah, it's scary. Even small bottles we throw away can harm wildlife.	- Huy: Ừ, đáng sợ quá. Ngay cả những chai nhỏ chúng ta vứt đi cũng có thể gây hại cho động vật hoang dã.
- Mai: If everyone reduced single-use plastic, the difference would be huge.	- Mai: Nếu mọi người giảm đồ nhựa dùng một lần thì sự khác biệt sẽ rất lớn.
→ Chọn đáp án D	

Câu 17

a. The process demanded sensitivity and teamwork, as every voice needed to be heard and respected. b. Working on a project against bullying at school was one of the most eye-opening experiences I've ever had. c. Through each discussion, I realised that genuine change begins with empathy rather than punishment. d. The project not only raised awareness but also reshaped the way we treat one another in daily life. e. Our team designed workshops where students shared stories that revealed how subtle cruelty can damage confidence.

- A. e – d – c – a – b
- ✓ **B. b – e – a – c – d**
- C. e – a – c – b – d
- D. b – c – a – d – e

→ **Chọn đáp án đúng:** B. b – e – a – c – d

Kiến thức: Sắp xếp đoạn văn	
DỊCH BÀI	
Working on a project against bullying at school was one of the most eye-opening experiences I've ever had. Our team designed workshops where students shared stories that revealed how subtle cruelty can damage confidence. The process demanded sensitivity and teamwork, as every voice needed to be heard and respected. Through each discussion, I realised that genuine change begins with empathy rather than punishment. The project not only raised awareness but also reshaped the way we treat one another in daily life.	Việc thực hiện một dự án chống bắt nạt ở trường học là một trong những trải nghiệm mở mang tâm mắt nhất mà tôi từng có. Nhóm của chúng tôi đã thiết kế những buổi hội thảo, nơi các học sinh chia sẻ những câu chuyện tiết lộ sự tàn nhẫn tinh vi có thể hủy hoại sự tự tin như thế nào. Quá trình này đòi hỏi sự nhạy cảm và tinh thần đồng đội vì mọi tiếng nói đều cần được lắng nghe và tôn trọng. Qua mỗi cuộc thảo luận, tôi nhận ra rằng sự thay đổi thực sự bắt đầu bằng sự đồng cảm hơn là sự trừng phạt. Dự án không chỉ nâng cao nhận thức mà còn định hình lại cách chúng ta đối xử với nhau trong cuộc sống hàng ngày.
→ Chọn đáp án B	

Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

Question 18-22

Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 18 to 22. Foul language on social media has become a growing concern, especially among young users whose online presence reflects both freedom and impulsiveness. Many teenagers, driven by a desire to sound bold or humorous, adopt harsh words without realising how they shape communication norms. What seems like a harmless expression of personality (18) _____. The internet, a space once celebrated for creativity and connection, is now also a stage where offensive remarks gain attention faster than thoughtful ideas—(19) _____. When young people post comments while angry or amused, (20) _____. Because online conversations happen instantly, emotion replaces reflection, and exaggeration replaces empathy. Using vulgar language, though intended to impress peers, can lead to misunderstanding or even cyberbullying. While some say that swearing just makes speech funnier or stronger, (21) _____. Encouraging digital manners, therefore, is not censorship but education. Schools, which play a central role in shaping behaviour, should integrate digital ethics into everyday learning. By combining awareness campaigns, discussions, and peer projects, educators can show that respect and expression are not opposites but partners. The goal is not to silence individuality but to guide it—helping students, both creators and consumers of content, (22) _____.

DỊCH BÀI

DỊCH BÀI

<p>Foul language on social media has become a growing concern, especially among young users whose online presence reflects both freedom and impulsiveness. Many teenagers, driven by a desire to sound bold or humorous, adopt harsh words without realising how they shape communication norms. What seems like a harmless expression of personality often normalises disrespect and aggression. The internet, a space once celebrated for creativity and connection, is now also a stage where offensive remarks gain attention faster than thoughtful ideas - a reality that teachers, parents, and digital platforms struggle to confront.</p>	<p>Ngôn ngữ thô tục trên mạng xã hội đã trở thành một mối lo ngại ngày càng tăng, đặc biệt là ở những người dùng trẻ tuổi, những người có sự hiện diện trực tuyến phản ánh cả sự tự do và sự bốc đồng. Nhiều thanh thiếu niên, bị thúc đẩy bởi mong muốn tỏ ra táo bạo hoặc hài hước, đã sử dụng những lời lẽ gay gắt mà không nhận ra chúng định hình các chuẩn mực giao tiếp như thế nào. Điều có vẻ như là một sự thể hiện cá tính vô hại thường hay bình thường hóa sự thiếu tôn trọng và sự gây hấn. Internet, một không gian từng được tán dương vì sự sáng tạo và kết nối, giờ đây cũng là một sân khấu nơi mà những nhận xét xúc phạm thu hút sự chú ý nhanh hơn những ý tưởng sâu sắc - một thực tế mà giáo viên, phụ huynh và các nền tảng kỹ thuật số phải vật lộn để đối mặt.</p>
<p>When young people post comments while angry or amused, they rarely consider the consequences their words may bring. Because online conversations happen instantly, emotion replaces reflection, and exaggeration replaces empathy. Using vulgar language, though intended to impress peers, can lead to misunderstanding or even cyberbullying. While some say that swearing just makes speech funnier or stronger, the truth is that hearing it too often dulls people's sense of how words can hurt. Encouraging digital manners, therefore, is not censorship but education.</p>	<p>Khi những người trẻ đăng bình luận trong lúc tức giận hoặc thích thú, họ hiếm khi cân nhắc đến hậu quả mà ngôn từ của họ có thể mang lại. Bởi vì các cuộc trò chuyện trực tuyến diễn ra ngay lập tức, cảm xúc thay thế sự suy ngẫm và sự phóng đại thay thế sự đồng cảm. Việc sử dụng ngôn ngữ thô tục, mặc dù nhằm mục đích gây ấn tượng với bạn bè, có thể dẫn đến hiểu lầm hoặc thậm chí là bắt nạt trên mạng. Trong khi một số người nói rằng chửi thề chỉ làm cho lời nói trở nên hài hước hoặc mạnh mẽ hơn, sự thật là việc nghe nó quá thường xuyên sẽ làm mờ đi ý thức của mọi người về việc ngôn từ có thể gây tổn thương như thế nào. Do đó, khuyến khích cách cư xử kỹ thuật số không phải là sự kiểm duyệt mà là giáo dục.</p>
<p>Schools, which play a central role in shaping behaviour, should integrate digital ethics into everyday learning. By combining awareness</p>	<p>Các trường học, đóng vai trò trung tâm trong việc định hình hành vi, nên tích hợp đạo đức kỹ thuật số vào việc học tập hàng ngày. Bằng cách kết</p>

Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

campaigns, discussions, and peer projects, educators can show that respect and expression are not opposites but partners. The goal is not to silence individuality but to guide it - helping students, both creators and consumers of content, build an online culture defined by civility, empathy, and responsibility.

hợp các chiến dịch nâng cao nhận thức, các cuộc thảo luận và các dự án nhóm, các nhà giáo dục có thể cho thấy rằng sự tôn trọng và sự thể hiện không phải là đối lập mà là đối tác. Mục tiêu không phải là làm câm lặng cá tính mà là hướng dẫn nó - giúp học sinh, cả người sáng tạo và người tiêu dùng nội dung, xây dựng một nền văn hóa trực tuyến được xác định bằng sự lịch sự, sự đồng cảm và trách nhiệm.

Câu 18

A. the normalisation of disrespect and aggression

B. when disrespect and aggression are normalised

✓ C. often normalises disrespect and aggression

D. which can normalise disrespect and aggression

→ **Chọn đáp án đúng:** C. often normalises disrespect and aggression

Kiến thức: Các loại mệnh đề

Ta có ‘What seems like a harmless expression of personality’ là mệnh đề danh từ đóng vai trò làm chủ ngữ nên ta cần một động từ có chia thì.

- Loại A vì là cụm danh từ.

- Loại B vì là mệnh đề phụ thuộc.

- Loại D vì là mệnh đề quan hệ.

- C đúng vì ‘normalises’ là động từ chia thì hiện tại đơn ở dạng số ít.

Tạm dịch:

What seems like a harmless expression of personality often normalises disrespect and aggression. (Điều có vẻ như là một sự thể hiện cá tính vô hại thường hay bình thường hóa sự thiếu tôn trọng và sự gây hấn.)

→ **Chọn đáp án C**

Câu 19

A. teachers, parents, and digital platforms struggle to confront this reality

B. the struggle to confront this reality from teachers, parents, and digital platforms

C. the confrontation with teachers, parents, and digital platforms is a real struggle

✓ D. a reality that teachers, parents, and digital platforms struggle to confront

→ **Chọn đáp án đúng:** D. a reality that teachers, parents, and digital platforms struggle to confront

Kiến thức: Ngữ đồng vị

Ta thấy câu đã có đầy đủ chủ ngữ chính và động từ chính nên sau dấu gạch ngang ta có thể điền một cụm danh từ đóng vai trò làm ngữ đồng vị bổ sung thêm thông tin cho ‘a stage where offensive remarks gain attention faster than thoughtful ideas’ ở phía trước.

- Loại A và C vì là mệnh đề độc lập.

- Loại B vì là cụm danh từ nhưng ngữ nghĩa ‘sự vật lộn để đối mặt với thực tế này từ giáo viên, phụ huynh và các nền tảng kỹ thuật số’ không phù hợp.

- D đúng vì là cụm danh từ và ngữ nghĩa ‘một thực tế mà giáo viên, phụ huynh và các nền tảng kỹ thuật số phải vật lộn để đối mặt’ hoàn toàn phù hợp.

Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

Tạm dịch:

The internet, a space once celebrated for creativity and connection, is now also a stage where offensive remarks gain attention faster than thoughtful ideas - a reality that teachers, parents, and digital platforms struggle to confront. (Internet, một không gian từng được tán dương vì sự sáng tạo và kết nối, giờ đây cũng là một sân khấu nơi mà những nhận xét xúc phạm thu hút sự chú ý nhanh hơn những ý tưởng sâu sắc - một thực tế mà giáo viên, phụ huynh và các nền tảng kỹ thuật số phải vật lộn để đối mặt.)

→ **Chọn đáp án D**

Câu 20

- ✓ **A. they rarely consider the consequences their words may bring**
B. the consequences of their words are rarely brought for consideration
C. their words that are rarely considered may not bring consequences
D. they may bring the consequences of their words that are rarely considered

→ **Chọn đáp án đúng:** A. they rarely consider the consequences their words may bring

Kiến thức: Ngữ cảnh trong bài đọc điền khuyết thông tin

Ta có ‘When young people post comments while angry or amused’ là một mệnh đề phụ thuộc nên ta cần một mệnh đề chính phù hợp về ngữ nghĩa và ngữ cảnh.

A. họ hiếm khi cân nhắc đến hậu quả mà ngôn từ của họ có thể mang lại → Đúng vì ‘they’ ám chỉ đến ‘young people’ nên đảm bảo tính liên kết và ngữ nghĩa diễn tả kết quả của việc đăng bình luận trong lúc tức giận hoặc thích thú.

B. hậu quả của ngôn từ của họ hiếm khi được cân nhắc → Sai vì dùng thể bị động với chủ ngữ ‘the consequences of their words’ nên không phù hợp, trọng tâm là hành vi của người trẻ (không cân nhắc hậu quả mà ngôn từ mang lại), không phải việc ‘hậu quả của ngôn từ’ không được cân nhắc.

C. ngôn từ của họ mà hiếm khi được cân nhắc có thể không mang lại hậu quả → Sai về ngữ nghĩa.

D. họ có thể mang lại hậu quả từ ngôn từ của họ mà hiếm khi được xem xét → Sai về ngữ nghĩa.

Tạm dịch:

When young people post comments while angry or amused, they rarely consider the consequences their words may bring. (Khi những người trẻ đăng bình luận trong lúc tức giận hoặc thích thú, họ hiếm khi cân nhắc đến hậu quả mà ngôn từ của họ có thể mang lại.)

→ **Chọn đáp án A**

Câu 21

- A. people’s sense of the truth can be dulled when they hear too many hurtful words
B. hearing words that hurt too often can dull people’s sense of how they can be truthful
C. people are hurt when their sense of truthful words is dulled while hearing them
✓ **D. the truth is that hearing it too often dulls people’s sense of how words can hurt**

→ **Chọn đáp án đúng:** D. the truth is that hearing it too often dulls people’s sense of how words can hurt

Kiến thức: Ngữ cảnh trong bài đọc điền khuyết thông tin

Ta có ‘While some say that swearing just makes speech funnier or stronger’ là một mệnh đề phụ thuộc nên ta cần một mệnh đề chính phù hợp về ngữ nghĩa và ngữ cảnh.

Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

A. ý thức về sự thật của con người có thể bị mờ đi khi họ nghe quá nhiều ngôn từ gây tổn thương → Sai vì ngữ cảnh đang nói về ‘swearing’ nên ‘people’s sense of the truth’ không liên kết và ngữ nghĩa không phù hợp với mệnh đề phía trước.

B. việc nghe những ngôn từ gây tổn thương quá thường xuyên có thể làm mờ đi ý thức của mọi người về cách họ có thể trung thực như thế nào → Sai về ngữ nghĩa.

C. mọi người bị tổn thương khi ý thức về những ngôn từ trung thực của họ bị làm mờ đi trong khi khi nghe chúng → Sai về ngữ nghĩa.

D. sự thật là việc nghe nó quá thường xuyên sẽ làm mờ đi ý thức của mọi người về việc ngôn từ có thể gây tổn thương như thế nào → Đúng vì ‘it’ ám chỉ đến ‘swearing’ nên tạo ra sự liên kết và ngữ nghĩa trực tiếp phản bác quan điểm sai lầm về chủ đề được đề cập ở mệnh đề phía trước.

Tạm dịch:

While some say that swearing just makes speech funnier or stronger, the truth is that hearing it too often dulls people’s sense of how words can hurt. (Trong khi một số người nói rằng chửi thề chỉ làm cho lời nói trở nên hài hước hoặc mạnh mẽ hơn, sự thật là việc nghe nó quá thường xuyên sẽ làm mờ đi ý thức của mọi người về việc ngôn từ có thể gây tổn thương như thế nào.)

→ **Chọn đáp án D**

Câu 22

A. the defining online culture is built on civility, empathy, and responsibility

B. an online culture is built by defining civility, empathy, and responsibility

✓ **C. build an online culture defined by civility, empathy, and responsibility**

D. while defining an online culture built on civility, empathy, and responsibility

➔ **Chọn đáp án đúng: C. build an online culture defined by civility, empathy, and responsibility**

Kiến thức: Các loại mệnh đề

Ta có cấu trúc ‘help somebody do something’ nên chỗ trống ta cần một động từ nguyên mẫu không ‘to’.

- Loại A và B vì là mệnh đề độc lập.

- Loại D vì là mệnh đề trạng ngữ rút gọn.

- C đúng vì ‘build’ là động từ nguyên mẫu không ‘to’.

Tạm dịch:

The goal is not to silence individuality but to guide it - helping students, both creators and consumers of content, build an online culture defined by civility, empathy, and responsibility. (Mục tiêu không phải là làm câm lặng cá tính mà là hướng dẫn nó - giúp học sinh, cả người sáng tạo và người tiêu dùng nội dung, xây dựng một nền văn hóa trực tuyến được xác định bằng sự lịch sự, sự đồng cảm và trách nhiệm.)

→ **Chọn đáp án C**

Question 23-30

Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct answer to each of the questions from 23 to 30. Football, the world’s most beloved sport, is entering a new era with the development of robot players. Engineers and scientists are creating advanced machines that can dribble, pass, and even score goals. These robots use artificial intelligence (AI) to learn from their mistakes and improve their skills over time. While they are not yet ready to compete against human professionals, robot footballers are becoming impressively skilled, raising questions about the future of the sport. One of the main difficulties in creating robot footballers lies in imitating human agility and quick thinking. People can

Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

respond instantly to surprises on the field, whereas robots depend on sensors and programmed instructions. Even so, progress is being made by groups such as RoboCup, an international robotics competition. Their machines can now cooperate, form strategies, and execute basic plays. Some models even use cameras and advanced software to track the ball and anticipate its direction—similar to how human players react. Robotic footballers could transform the sport in several ways. They may serve as training partners, offering athletes a tireless and consistent opponent. In the future, fully robotic tournaments could emerge, where machines compete in fast-paced matches without human restrictions. The same technology could also support rescue missions and industrial tasks, allowing robots to move through hazardous or uneven areas safely. Still, many fans argue that robots could never replace the passion and unpredictability of human football. The sport thrives on emotion, creativity, and the human element - things machines cannot imitate. Still, robot footballers are an exciting technological achievement. Whether as training tools, entertainment, or a new kind of competition, they are set to become an important part of football's future.

DỊCH BÀI

DỊCH BÀI

Football, the world's most beloved sport, is entering a new era with the development of robot players. Engineers and scientists are creating advanced machines that can dribble, pass, and even score goals. These robots use artificial intelligence (AI) to learn from their mistakes and improve their skills over time. While they are not yet ready to compete against human professionals, robot footballers are becoming impressively skilled, raising questions about the future of the sport.	Bóng đá, môn thể thao được yêu thích nhất thế giới, đang bước vào một kỷ nguyên mới với sự phát triển của các cầu thủ robot. Các kỹ sư và nhà khoa học đang tạo ra những cỗ máy tiên tiến có thể rê bóng, chuyền bóng và thậm chí là ghi bàn. Những robot này sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để học hỏi từ những lỗi sai và cải thiện kỹ năng theo thời gian. Mặc dù chúng chưa sẵn sàng để cạnh tranh với các cầu thủ chuyên nghiệp là con người nhưng các cầu thủ bóng đá robot đang trở nên thành thạo một cách ấn tượng, đặt ra những câu hỏi về tương lai của môn thể thao này.
One of the main difficulties in creating robot footballers lies in imitating human agility and quick thinking. People can respond instantly to surprises on the field, whereas robots depend on sensors and programmed instructions. Even so, progress is being made by groups such as RoboCup, an international robotics competition. Their machines can now cooperate, form strategies, and execute basic plays. Some models even use cameras and advanced software to track the ball and anticipate its direction - similar to how human players react.	Một trong những khó khăn chính trong việc tạo ra các cầu thủ bóng đá robot nằm ở việc bắt chước sự nhanh nhẹn và tư duy nhanh chóng của con người. Con người có thể phản ứng ngay lập tức trước những bất ngờ trên sân, trong khi robot phụ thuộc vào các cảm biến và hướng dẫn được lập trình. Mặc dù vậy, sự tiến bộ đang được thực hiện bởi các nhóm như RoboCup, một cuộc thi robot quốc tế. Các cỗ máy của họ giờ đây có thể hợp tác, hình thành chiến lược và thực hiện các lối chơi cơ bản. Một số mẫu thậm chí còn sử dụng máy ảnh và phần mềm tiên tiến để theo dõi quả bóng và dự đoán hướng đi của nó - tương tự như cách các cầu thủ con người phản ứng.
Robotic footballers could transform the sport in several ways. They may serve as training partners, offering athletes a tireless and consistent opponent. In the future, fully robotic tournaments could emerge, where machines compete in fast-paced matches without human restrictions. The same technology could also support rescue missions and industrial tasks, allowing robots to move through hazardous or uneven areas safely.	Các cầu thủ bóng đá robot có thể biến đổi môn thể thao này theo nhiều cách. Chúng có thể đóng vai trò là đối tác tập luyện, mang đến cho các vận động viên một đối thủ không biết mệt mỏi và kiên định. Trong tương lai, các giải đấu hoàn toàn bằng robot có thể xuất hiện, nơi các cỗ máy thi đấu trong các trận đấu tốc độ cao mà không bị giới hạn bởi con người. Công nghệ tương tự cũng có thể hỗ trợ các nhiệm vụ cứu hộ và các công việc trong công nghiệp, cho phép robot di chuyển qua các khu vực nguy hiểm hoặc không bằng phẳng một cách an toàn.

Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

Still, many fans argue that robots could never replace the passion and unpredictability of human football. The sport thrives on emotion, creativity, and the human element - things machines cannot imitate. Still, robot footballers are an exciting technological achievement. Whether as training tools, entertainment, or a new kind of competition, they are set to become an important part of football's future.

Dẫu vậy, nhiều người hâm mộ tranh luận rằng robot không bao giờ có thể thay thế được niềm đam mê và sự khó đoán của bóng đá của con người. Môn thể thao này phát triển mạnh nhờ cảm xúc, sự sáng tạo và yếu tố con người - những thứ mà máy móc không thể bắt chước được. Tuy nhiên, cầu thủ bóng đá robot vẫn là một thành tựu công nghệ thú vị. Dù với vai trò là công cụ tập luyện, giải trí hay một hình thức thi đấu mới, chúng đều sẽ trở thành một phần quan trọng trong tương lai của bóng đá.

Câu 23

Robot footballers can do all of the following EXCEPT _____.

- A. scoring goals
- B. passing the ball
- C. dribbling the ball

✓ **D. competing against humans**

→ **Chọn đáp án đúng:** D. competing against humans

Kiến thức: Tìm thông tin không có trong đoạn

Cầu thủ bóng đá robot có thể làm tất cả những điều sau đây NGOẠI TRỪ _____.

- A. ghi bàn
- B. chuyền bóng
- C. rê bóng
- D. thi đấu với con người

Thông tin:

+ **Engineers and scientists are creating advanced machines that can dribble, pass, and even score goals. (Các kỹ sư và nhà khoa học đang tạo ra những cỗ máy tiên tiến có thể rê bóng, chuyền bóng và thậm chí là ghi bàn.)**

→ A, B và C là những điều mà cầu thủ bóng đá robot có thể làm được.

+ **While they are not yet ready to compete against human professionals, robot footballers are becoming impressively skilled, raising questions about the future of the sport. (Mặc dù chúng chưa sẵn sàng để cạnh tranh với các cầu thủ chuyên nghiệp là con người nhưng các cầu thủ bóng đá robot đang trở nên thành thạo một cách ấn tượng, đặt ra những câu hỏi về tương lai của môn thể thao này.)**

→ D là điều mà cầu thủ bóng đá robot không thể làm được.

→ **Chọn đáp án D**

Câu 24

The word they in paragraph 1 refers to _____.

- A. mistakes
- B. skills
- ✓ **C. robot footballers**
- D. human professionals

→ **Chọn đáp án đúng:** C. robot footballers

Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

Kiến thức: Từ quy chiếu

Từ “**they**” trong đoạn 1 ám chỉ đến _____.

- A. lỗi sai
 - B. kỹ năng
 - C. cầu thủ bóng đá robot
 - D. cầu thủ chuyên nghiệp là con người
- Từ “**they**” trong đoạn 1 ám chỉ đến “robot footballers”.

Thông tin:

These robots (ám chỉ đến “robot footballers”) use artificial intelligence (AI) to learn from their mistakes and improve their skills over time. While **they** are not yet ready to compete against human professionals, robot footballers are becoming impressively skilled, raising questions about the future of the sport. (Những robot này sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để học hỏi từ những lỗi sai và cải thiện kỹ năng theo thời gian. Mặc dù chúng chưa sẵn sàng để cạnh tranh với các cầu thủ chuyên nghiệp là con người nhưng các cầu thủ bóng đá robot đang trở nên thành thạo một cách ấn tượng, đặt ra những câu hỏi về tương lai của môn thể thao này.)

→ **Chọn đáp án C**

Câu 25

The word imitating in paragraph 2 is closest in meaning to _____.

- A. revising
- ✓ **B. copying**
- C. assessing
- D. enhancing

→ **Chọn đáp án đúng: B. copying**

Kiến thức: Từ vựng đồng nghĩa theo ngữ cảnh bài đọc

Từ “**imitating**” trong đoạn 2 có nghĩa gần nhất với _____.

- A. revise /rɪ'vaɪz/ (v): ôn lại (bài học)
 - B. copy /'kɒpi/ (v): sao chép
 - C. assess /ə'ses/ (v): đánh giá
 - D. enhance /ɪn'hɑ:ns/ (v): nâng cao, tăng cường
- imitate /'ɪmɪteɪt/ (v): bắt chước, mô phỏng = copy (v)

Thông tin:

One of the main difficulties in creating robot footballers lies in **imitating** human agility and quick thinking. (Một trong những khó khăn chính trong việc tạo ra các cầu thủ bóng đá robot nằm ở việc bắt chước sự nhanh nhẹn và tư duy nhanh chóng của con người.)

→ **Chọn đáp án B**

Câu 26

The word hazardous in paragraph 3 is OPPOSITE in meaning to _____.

- ✓ **A. secure**

Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

- B. complete
- C. dangerous
- D. unbearable

→ **Chọn đáp án đúng:** A. secure

Kiến thức: Từ vựng trái nghĩa theo ngữ cảnh bài đọc

Từ "**hazardous**" trong đoạn 3 có nghĩa TRÁI NGƯỢC với _____.

- A. secure /sɪ'kjʊə(r)/ (adj): an toàn
 - B. complete /kəm'pli:t/ (adj): hoàn thành
 - C. dangerous /'deɪndʒərəs/ (adj): nguy hiểm
 - D. unbearable /ʌn'beərəbl/ (adj): không thể chịu đựng được
- hazardous /'hæzədəs/ (adj): nguy hiểm >< secure (adj)

Thông tin:

The same technology could also support rescue missions and industrial tasks, allowing robots to move through **hazardous** or uneven areas safely. (Công nghệ tương tự cũng có thể hỗ trợ các nhiệm vụ cứu hộ và các công việc trong công nghiệp, cho phép robot di chuyển qua các khu vực nguy hiểm hoặc không bằng phẳng một cách an toàn.)

→ **Chọn đáp án A**

Câu 27

Which of the following best paraphrases the underlined sentence in paragraph 4? Still, many fans argue that robots could never replace the passion and unpredictability of human football.

- A. Many supporters think that robots bring even greater enthusiasm and sudden changes to the game than human players do.
- B. Many fans believe that machines already show the same emotion and surprise found in human football.
- C. Many people claim that human football draws its energy and unexpected moments from robots.
- ✓ **D. Many fans believe robots can't match the emotional depth and unexpected nature of football played by humans.**

→ **Chọn đáp án đúng:** D. Many fans believe robots can't match the emotional depth and unexpected nature of football played by humans.

Kiến thức: Paraphrasing

Câu nào sau đây diễn giải tốt nhất câu được gạch chân ở đoạn 4?

Dẫu vậy, nhiều người hâm mộ tranh luận rằng robot không bao giờ có thể thay thế được niềm đam mê và sự khó đoán của bóng đá của con người.

- A. Nhiều người cổ vũ nghĩ rằng robot thậm chí còn mang lại sự nhiệt tình và những thay đổi bất ngờ cho trận đấu hơn cả cầu thủ con người. → Sai vì ngữ nghĩa trái ngược với câu gốc.
- B. Nhiều người hâm mộ tin rằng máy móc đã thể hiện cảm xúc và sự bất ngờ giống như trong bóng đá của con người. → Sai vì câu gốc nói rằng robot 'không thể' thể hiện được cảm xúc và bất ngờ như bóng đá của con người.
- C. Nhiều người cho rằng bóng đá của con người lấy năng lượng và những khoảnh khắc bất ngờ từ robot. → Sai về ngữ nghĩa của câu.
- D. Nhiều người hâm mộ tin rằng robot không thể sánh được với chiều sâu cảm xúc và tính chất bất ngờ của bóng đá do con người chơi. → Diễn giải tốt nhất ngữ nghĩa của câu gốc.

Thông tin:

Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

Still, many fans argue that robots could never replace the passion and unpredictability of human football. (Dẫu vậy, nhiều người hâm mộ tranh luận rằng robot không bao giờ có thể thay thế được niềm đam mê và sự khó đoán của bóng đá của con người.)

→ **Chọn đáp án D**

Câu 28

Which of the following is TRUE according to the passage?

- A. In competitions like RoboCup, robot footballers can compete against human footballers.
- B. All robot footballers are already equipped with cameras and algorithms like humans.
- C. The more advanced robot footballers are, the more they threaten human footballers.
- ✓ **D. Human footballers possess inherent abilities that are hard to programme into robots.**

→ **Chọn đáp án đúng:** D. Human footballers possess inherent abilities that are hard to programme into robots.

Kiến thức: TRUE/ NOT TRUE/ NOT MENTIONED

Điều nào sau đây là ĐÚNG theo bài đọc?

- A. Trong các cuộc thi như RoboCup, các cầu thủ bóng đá robot có thể thi đấu với các cầu thủ bóng đá con người.
- B. Tất cả các cầu thủ bóng đá robot đều đã được trang bị máy ảnh và thuật toán giống như con người.
- C. Các cầu thủ bóng đá robot càng tiến bộ thì chúng càng đe dọa các cầu thủ bóng đá con người.
- D. Các cầu thủ bóng đá con người sở hữu những khả năng tự nhiên mà khó để lập trình cho robot.

Thông tin:

+ Even so, progress is being made by groups such as RoboCup, an international robotics competition. (Mặc dù vậy, sự tiến bộ đang được thực hiện bởi các nhóm như RoboCup, một cuộc thi robot quốc tế.)

→ A sai ở 'human footballers' vì RoboCup chỉ là cuộc thi robot thi đấu với robot, không có con người.

+ Some models even use cameras and advanced software to track the ball and anticipate its direction - similar to how human players react. (Một số mẫu thậm chí còn sử dụng máy ảnh và phần mềm tiên tiến để theo dõi quả bóng và dự đoán hướng đi của nó - tương tự như cách các cầu thủ con người phản ứng.)

→ B sai ở 'all' vì chỉ có 'Some' (Một số) mẫu là được trang bị máy ảnh và phần mềm để theo dõi và dự đoán hướng đi của quả bóng như cách các cầu thủ con người phản ứng.

+ They may serve as training partners, offering athletes a tireless and consistent opponent. (Chúng có thể đóng vai trò là cộng sự tập luyện, mang đến cho các vận động viên một đối thủ không biết mệt mỏi và kiên định.)

+ Whether as training tools, entertainment, or a new kind of competition, they are set to become an important part of football's future. (Dù với vai trò là công cụ tập luyện, giải trí hay một hình thức thi đấu mới, chúng đều sẽ trở thành một phần quan trọng trong tương lai của bóng đá.)

→ C sai ở 'threaten' vì trái ngược với thông tin cho thấy robot có thể là 'training partners' (cộng sự tập luyện) hay 'become an important part of football's future' (trở thành một phần quan trọng trong tương lai của bóng đá).

+ One of the main difficulties in creating robot footballers lies in imitating human agility and quick thinking. People can respond instantly to surprises on the field, whereas robots depend on sensors and programmed instructions. (Một trong những khó khăn chính trong việc tạo ra các cầu thủ bóng đá robot nằm ở việc bắt chước sự nhanh nhẹn và tư duy nhanh chóng của con người. Con người có thể phản ứng ngay lập tức trước những bất ngờ trên sân, trong khi robot phụ thuộc vào các cảm biến và hướng dẫn được lập trình.)

Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

→ **D đúng.**

→ **Chọn đáp án D**

Câu 29

Which paragraph explores how robots can be used apart from football?

✓ **A. Paragraph 3**

B. Paragraph 1

C. Paragraph 4

D. Paragraph 2

→ **Chọn đáp án đúng: A. Paragraph 3**

Kiến thức: Tìm đoạn chứa thông tin

Đoạn văn nào khám phá cách sử dụng robot ngoài bóng đá?

A. Đoạn 3

B. Đoạn 1

C. Đoạn 4

D. Đoạn 2

Thông tin:

The same technology could also support rescue missions and industrial tasks, allowing robots to move through hazardous or uneven areas safely. (Công nghệ tương tự cũng có thể hỗ trợ các nhiệm vụ cứu hộ và các công việc trong công nghiệp, cho phép robot di chuyển qua các khu vực nguy hiểm hoặc không bằng phẳng một cách an toàn.)

→ **Chọn đáp án A**

Câu 30

Which paragraph mentions a special competition?

A. Paragraph 4

✓ **B. Paragraph 2**

C. Paragraph 1

D. Paragraph 3

→ **Chọn đáp án đúng: B. Paragraph 2**

Kiến thức: Tìm đoạn chứa thông tin

Đoạn văn nào đề cập đến một cuộc thi đặc biệt?

A. Đoạn 4

B. Đoạn 2

C. Đoạn 1

D. Đoạn 3

Thông tin:

Even so, progress is being made by groups such as RoboCup, an international robotics competition. (Mặc dù vậy, sự tiến bộ đang được thực

Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

hiện bởi các nhóm như RoboCup, một cuộc thi robot quốc tế.)

→ **Chọn đáp án B**

Question 31-40

Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct answer to each of the questions from 31 to 40. A new generation of teenagers who mostly talk online or through text messages may face unemployment in the future because their everyday vocabulary is very limited — around 800 words, experts warn. Studies show that although they actually know about 40,000 words, they prefer a kind of “teenspeak” used in messages, chat rooms, and social media. Communication specialist Jean Gross believes that such a narrow vocabulary could harm their job prospects. She is starting a national campaign to help young people make better use of their language skills. Her goal is to make sure students don’t fail at school or later at work simply because they are inarticulate. (I) Jean Gross explains that young people spend more time using short and quick digital messages, so they rarely practice formal communication. (II) She says, “We must teach them to see the difference between texting language and the proper English they’ll need for real success — 800 words aren’t enough for any career.” To support this, she plans to send students with video cameras into workplaces so they can record how professionals use language and report back to their classmates. She also encourages parents to reduce their children’s TV time and replace it with real conversations. Her worries came after research by Professor Tony McEnery, who studied 10 million spoken words and 100,000 words from teenagers’ blogs. He found that teens use their top 20 words in one-third of all their speech, along with slang unknown to most adults — such as “chenezed” (tired), “spong” (silly), and “lol” (laugh out loud). (III) According to language consultant John Bald, this limited use of vocabulary is not accidental but a kind of rebellion — teenagers, he explains, tend to simplify their language to fit in with friends and distance themselves from formal education. He adds that this behaviour reflects a wider “anti-school” attitude that parents and teachers must address. (IV) Linguist David Crystal argues that teenagers are, in fact, highly expressive and creative with words; their vocabulary is simply focused on subjects they care about, such as music, gaming, and social life. He believes this variation shows flexibility rather than laziness, proving that young people adapt language to suit their own world and identity.

DỊCH BÀI

DỊCH BÀI

A new generation of teenagers who mostly talk online or through text messages may face unemployment in the future because their everyday vocabulary is very limited - around 800 words, experts warn. Studies show that although they actually know about 40,000 words, they prefer a kind of “teenspeak” used in messages, chat rooms, and social media. Communication specialist Jean Gross believes that such a narrow vocabulary could harm their job prospects. She is starting a national campaign to help young people make better use of their language skills. Her goal is to make sure students don’t fail at school or later at work simply because they are inarticulate.

Các chuyên gia cảnh báo rằng một thế hệ thanh thiếu niên mới, những người chủ yếu nói chuyện trực tuyến hoặc qua tin nhắn văn bản có thể phải đối mặt với tình trạng thất nghiệp trong tương lai vì vốn từ vựng hàng ngày của họ rất hạn chế - khoảng 800 từ. Các nghiên cứu cho thấy rằng mặc dù họ thực sự biết khoảng 40.000 từ nhưng họ lại ưa chuộng một kiểu “ngôn ngữ tuổi teen” được sử dụng trong tin nhắn, phòng chat và mạng xã hội. Chuyên gia truyền thông Jean Gross tin rằng vốn từ vựng hạn hẹp như vậy có thể gây tổn hại đến triển vọng nghề nghiệp của họ. Cô ấy đang bắt đầu một chiến dịch quốc gia nhằm giúp những người trẻ tận dụng tốt hơn các kỹ năng ngôn ngữ của mình. Mục tiêu của cô ấy là đảm bảo học sinh không thất bại ở trường học hoặc ở nơi làm việc sau này chỉ vì họ không diễn đạt rõ ràng.

Jean Gross explains that young people spend more time using short and quick digital messages, so they rarely practice formal communication.

Jean Gross giải thích rằng những người trẻ dành nhiều thời gian hơn để sử dụng các tin nhắn kỹ thuật số ngắn và nhanh, vì vậy họ hiếm khi luyện tập

Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

<p>She says, “We must teach them to see the difference between texting language and the proper English they’ll need for real success - 800 words aren’t enough for any career.” To support this, she plans to send students with video cameras into workplaces so they can record how professionals use language and report back to their classmates. She also encourages parents to reduce their children’s TV time and replace it with real conversations.</p>	<p>giao tiếp trang trọng. Cô ấy nói: “Chúng ta phải dạy họ thấy được sự khác biệt giữa ngôn ngữ nhắn tin và tiếng Anh chuẩn mực mà họ cần cho sự thành công thực sự - 800 từ không đủ cho bất kỳ nghề nghiệp nào.” Để hỗ trợ điều này, cô ấy có kế hoạch cử học sinh mang theo máy quay video đến nơi làm việc để họ có thể ghi lại cách các chuyên gia sử dụng ngôn ngữ và báo cáo lại cho các bạn cùng lớp. Cô ấy cũng khuyến khích các bậc cha mẹ giảm thời gian xem TV của con mình và thay thế bằng những cuộc trò chuyện thực tế.</p>
<p>Her worries came after research by Professor Tony McEnery, who studied 10 million spoken words and 100,000 words from teenagers’ blogs. He found that teens use their top 20 words in one-third of all their speech, along with slang unknown to most adults - such as “chized” (tired), “spong” (silly), and “lol” (laugh out loud).</p>	<p>Những lo lắng của cô ấy xuất hiện sau nghiên cứu của Giáo sư Tony McEnery, người đã nghiên cứu 10 triệu từ được nói và 100.000 từ trên blog của thanh thiếu niên. Ông phát hiện ra rằng thanh thiếu niên sử dụng 20 từ phổ biến nhất của họ trong 1/3 tổng số lời nói của họ, cùng với những tiếng lóng mà hầu hết người lớn không biết - chẳng hạn như “chized” (mệt mỏi), “spong” (ngớ ngẩn) và “lol” (cười lớn).</p>
<p>According to language consultant John Bald, this limited use of vocabulary is not accidental but a kind of rebellion - teenagers, he explains, tend to simplify their language to fit in with friends and distance themselves from formal education. He adds that this behaviour reflects a wider “anti-school” attitude that parents and teachers must address. However, not all experts agree. Linguist David Crystal argues that teenagers are, in fact, highly expressive and creative with words; their vocabulary is simply focused on subjects they care about, such as music, gaming, and social life. He believes this variation shows flexibility rather than laziness, proving that young people adapt language to suit their own world and identity.</p>	<p>Theo nhà tư vấn ngôn ngữ John Bald, việc sử dụng vốn từ vựng hạn chế này không phải ngẫu nhiên mà là một kiểu nổi loạn - ông giải thích, thanh thiếu niên có xu hướng đơn giản hóa ngôn ngữ của mình để hòa nhập với bạn bè và tránh xa nền giáo dục chính quy. Ông nói thêm rằng hành vi này phản ánh thái độ “chống đối trường học” rộng hơn mà phụ huynh và giáo viên phải giải quyết. Tuy nhiên, không phải tất cả các chuyên gia đều đồng ý. Nhà ngôn ngữ học David Crystal lập luận rằng trên thực tế, thanh thiếu niên có khả năng diễn đạt và sáng tạo rất tốt với ngôn từ; vốn từ vựng của họ chỉ đơn thuần là tập trung vào các chủ đề mà họ quan tâm, chẳng hạn như âm nhạc, chơi game và đời sống xã hội. Ông tin rằng sự khác biệt này thể hiện sự linh hoạt hơn là sự lười biếng, chứng tỏ rằng những người trẻ thích nghi ngôn ngữ để phù hợp với thế giới và bản sắc của riêng họ.</p>

Câu 31

According to paragraph 1, experts have warned that teenagers _____.

- A. are addicted to communicating by using text messages
- B. find it challenging to memorise words learned at school
- ✓ C. can’t get a job easily because their vocabulary range is limited
- D. become withdrawn and lack motivation to talk to others

→ **Chọn đáp án đúng:** C. can’t get a job easily because their vocabulary range is limited

Kiến thức: Đọc hiểu thông tin chi tiết

Theo đoạn 1, các chuyên gia đã cảnh báo rằng thanh thiếu niên _____.

- A. nghiện việc giao tiếp bằng cách sử dụng tin nhắn văn bản

Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

B. thấy việc ghi nhớ các từ đã học ở trường là đầy thách thức

C. không thể kiếm được việc làm một cách dễ dàng vì vốn từ vựng của họ bị hạn chế

D. trở nên thu mình và thiếu động lực để nói chuyện với người khác

Thông tin:

A new generation of teenagers who mostly talk online or through text messages may face unemployment in the future because their everyday vocabulary is very limited - around 800 words, experts warn. (Các chuyên gia cảnh báo rằng một thế hệ thanh thiếu niên mới, những người chủ yếu nói chuyện trực tuyến hoặc qua tin nhắn văn bản có thể phải đối mặt với tình trạng thất nghiệp trong tương lai vì vốn từ vựng hàng ngày của họ rất hạn chế - khoảng 800 từ.)

→ **Chọn đáp án C**

Câu 32

The word inarticulate in paragraph 1 can be best replaced by _____.

A. too slow to react

B. bad at calculating

✓ C. unable to express thoughts clearly

D. easy to be influenced by others

→ **Chọn đáp án đúng:** C. unable to express thoughts clearly

Kiến thức: Từ vựng đồng nghĩa theo ngữ cảnh bài đọc

Từ "**inarticulate**" ở đoạn 1 có thể được thay thế tốt nhất bằng _____.

A. too slow to react: phản ứng quá chậm

B. bad at calculating: không giỏi ở việc tính toán

C. unable to express thoughts clearly: không thể bày tỏ suy nghĩ một cách rõ ràng

D. easy to be influenced by others: dễ bị ảnh hưởng bởi người khác

- inarticulate / ɪnɑː'tɪkjələt/ (adj): không diễn đạt rõ ràng = unable to express thoughts clearly

Thông tin:

Her goal is to make sure students don't fail at school or later at work simply because they are **inarticulate**. (Mục tiêu của cô ấy là đảm bảo học sinh không thất bại ở trường học hoặc ở nơi làm việc sau này chỉ vì họ không diễn đạt rõ ràng.)

→ **Chọn đáp án C**

Câu 33

The word they in paragraph 2 refers to _____.

A. words

B. cameras

✓ C. young people

D. celebrities

→ **Chọn đáp án đúng:** C. young people

Kiến thức: Từ quy chiếu

Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

Từ “**they**” trong đoạn 2 ám chỉ đến _____.

- A. từ vựng
- B. máy ảnh
- C. người trẻ
- D. người nổi tiếng

- Từ “**they**” trong đoạn 2 ám chỉ đến “young people”.

Thông tin:

Jean Gross explains that young people spend more time using short and quick digital messages, so they rarely practice formal communication. She says, “We must teach them to see the difference between texting language and the proper English **they**’ll need for real success - 800 words aren’t enough for any career.” (Jean Gross giải thích rằng những người trẻ dành nhiều thời gian hơn để sử dụng các tin nhắn kỹ thuật số ngắn và nhanh, vì vậy họ hiếm khi luyện tập giao tiếp trang trọng. Cô ấy nói: “Chúng ta phải dạy họ thấy được sự khác biệt giữa ngôn ngữ nhắn tin và tiếng Anh chuẩn mực mà họ cần cho sự thành công thực sự - 800 từ không đủ cho bất kỳ nghề nghiệp nào.”)

→ **Chọn đáp án C**

Câu 34

Jean Gross intends to send students with video cameras into workplaces to _____.

- ✓ **A. observe how workers use language**
- B. record short films for school projects
- C. interview employees about their jobs
- D. learn how to act in professional settings

→ **Chọn đáp án đúng:** A. observe how workers use language

Kiến thức: Đọc hiểu thông tin chi tiết

Jean Gross dự định cử học sinh mang theo máy quay video đến những nơi làm việc để _____.

- A. quan sát cách các nhân viên sử dụng ngôn ngữ
- B. quay những đoạn phim ngắn cho các dự án trường học
- C. phỏng vấn các nhân viên về công việc của họ
- D. học cách hành động trong các môi trường chuyên nghiệp

Thông tin:

To support this, she plans to send students with video cameras into workplaces so they can record how professionals use language and report back to their classmates. (Để hỗ trợ điều này, cô ấy có kế hoạch cử học sinh mang theo máy quay video đến nơi làm việc để họ có thể ghi lại cách các chuyên gia sử dụng ngôn ngữ và báo cáo lại cho các bạn cùng lớp.)

→ **Chọn đáp án A**

Câu 35

Which of the following best summarises paragraph 3?

- A. Tony McEnergy’s study found that teenagers prefer using slang words, all of which are not able to be understood by the older generation.
- ✓ **B. Research by Tony McEnergy showed that teenagers use a very limited set of words and invent slang terms unfamiliar to adults.**

Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

C. Tony McEnery's research found that teenagers use a small number of common words in their speech and create exciting expressions.

D. According to Tony McEnery, teenagers' speech shows a strong reliance on common words, with few slang expressions.

➔ **Chọn đáp án đúng:** B. Research by Tony McEnery showed that teenagers use a very limited set of words and invent slang terms unfamiliar to adults.

Kiến thức: Tóm tắt nội dung đoạn trong bài đọc

Điều nào sau đây tóm tắt tốt nhất đoạn 3?

A. Nghiên cứu của Tony McEnery cho thấy thanh thiếu niên thích sử dụng những từ lóng hơn, tất cả những từ đó mà thế hệ lớn tuổi hơn không thể hiểu được. → Sai vì chưa đề cập đến ý thanh thiếu niên sử dụng một số lượng từ rất hạn chế và 'all of which ... the older generation' là tuyệt đối hóa so với thông tin trong đoạn 3.

B. Nghiên cứu của Tony McEnery cho thấy thanh thiếu niên sử dụng một lượng từ rất hạn chế và phát minh ra những thuật ngữ lóng xa lạ với người lớn. → Tóm tắt tốt nhất ý chính của đoạn 3.

C. Nghiên cứu của Tony McEnery cho thấy thanh thiếu niên sử dụng một số ít từ thông dụng trong lời nói của họ và tạo ra những cách diễn đạt thú vị. → Sai vì 'create exciting expressions' không được đề cập mà thông tin chỉ nhắc đến việc tạo ra 'slang unknown to most adults'.

D. Theo Tony McEnery, lời nói của thanh thiếu niên thể hiện sự phụ thuộc nhiều vào các từ thông dụng, với ít cách diễn đạt tiếng lóng. → Sai vì 'a strong reliance on common words, with few slang expressions' trái ngược hoàn toàn với thông tin trong đoạn 3.

Tóm tắt:

Nghiên cứu của Giáo sư Tony McEnery cho thấy thanh thiếu niên sử dụng một số lượng từ rất hạn chế và có những tiếng lóng riêng mà hầu hết người lớn không biết.

→ **Chọn đáp án B**

Câu 36

Which of the following best paraphrases the underlined sentence in paragraph 4? He adds that this behaviour reflects a wider "anti-school" attitude that parents and teachers must address.

A. Not only does John Bald think parents and teachers influence this behaviour, but he also claims it creates the anti-school culture itself.

B. John Bald argues that the anti-school culture controls the behaviour that parents and teachers struggle to confront.

C. Were this behaviour less obvious, John Bald suggests that parents and teachers would not have to deal with the anti-school attitude.

✓ **D. John Bald notes that opposition to schooling is evident in this behaviour, which parents and teachers should tackle.**

➔ **Chọn đáp án đúng:** D. John Bald notes that opposition to schooling is evident in this behaviour, which parents and teachers should tackle.

Kiến thức: Paraphrasing

Câu nào sau đây diễn giải tốt nhất câu được gạch chân ở đoạn 4?

Ông nói thêm rằng hành vi này phản ánh thái độ "chống đối trường học" rộng hơn mà phụ huynh và giáo viên phải giải quyết.

A. John Bald không chỉ nghĩ rằng phụ huynh và giáo viên ảnh hưởng đến hành vi này mà ông còn cho rằng nó tạo ra văn hóa chống đối trường học. → Sai về ngữ nghĩa so với câu gốc.

B. John Bald lập luận rằng văn hóa chống đối trường học kiểm soát hành vi mà phụ huynh và giáo viên gặp khó khăn khi đương đầu. → Sai về ngữ nghĩa so với câu gốc.

C. Nếu hành vi này ít rõ ràng hơn, John Bald gợi ý rằng phụ huynh và giáo viên sẽ không phải giải quyết thái độ chống đối trường học. → Sai vì là câu điều kiện đặt ra giả định nên không phù hợp về ngữ nghĩa với câu gốc.

Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

D. John Bald lưu ý rằng hành vi phản đối việc đi học thể hiện rõ ở hành vi này, điều mà phụ huynh và giáo viên nên giải quyết. → Diễn giải tốt nhất ngữ nghĩa của câu gốc.

→ **Chọn đáp án D**

Câu 37

Where in the passage does the following sentence best fit? However, not all experts agree.

- A. (III)
- B. (II)
- ✓ C. (IV)
- D. (I)

→ **Chọn đáp án đúng: C. (IV)**

Kiến thức: Chèn câu

Câu sau đây phù hợp nhất ở đâu trong bài đọc?

Tuy nhiên, không phải tất cả các chuyên gia đều đồng ý.

- A. (III)
- B. (II)
- C. (IV)
- D. (I)

Thông tin:

According to language consultant John Bald, this limited use of vocabulary is not accidental but a kind of rebellion - teenagers, he explains, tend to simplify their language to fit in with friends and distance themselves from formal education. He adds that this behaviour reflects a wider “anti-school” attitude that parents and teachers must address. However, not all experts agree. Linguist David Crystal argues that teenagers are, in fact, highly expressive and creative with words; their vocabulary is simply focused on subjects they care about, such as music, gaming, and social life. (Theo nhà tư vấn ngôn ngữ John Bald, việc sử dụng vốn từ vựng hạn chế này không phải ngẫu nhiên mà là một kiểu nổi loạn - ông giải thích, thanh thiếu niên có xu hướng đơn giản hóa ngôn ngữ của mình để hòa nhập với bạn bè và tránh xa nền giáo dục chính quy. Ông nói thêm rằng hành vi này phản ánh thái độ “chống đối trường học” rộng hơn mà phụ huynh và giáo viên phải giải quyết. Tuy nhiên, không phải tất cả các chuyên gia đều đồng ý. Nhà ngôn ngữ học David Crystal lập luận rằng trên thực tế, thanh thiếu niên có khả năng diễn đạt và sáng tạo rất tốt với ngôn từ; vốn từ vựng của họ chỉ đơn thuần là tập trung vào các chủ đề mà họ quan tâm, chẳng hạn như âm nhạc, chơi game và đời sống xã hội.)

+ Câu cần điền phù hợp nhất ở vị trí (IV) vì phía trước là quan điểm tiêu cực của John Bald (việc sử dụng vốn từ vựng hạn chế của thanh thiếu niên phản ánh thái độ ‘chống đối trường học’) và phía sau là quan điểm tích cực hoàn toàn của David Crystal (thanh thiếu niên có khả năng diễn đạt và sáng tạo rất tốt với ngôn từ) nên câu điền vào tạo ra sự tương phản và kết nối logic các ý lại với nhau.

→ **Chọn đáp án C**

Câu 38

Which of the following is NOT mentioned in the passage?

- A. The campaign launched by Miss Gross aims at helping young people who struggle to use formal language.

Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

B. According to Miss Gross, a multifaceted approach will help teenagers to use language effectively.

✓ C. Tony McEnery was taken aback to discover some unusual slang words invented by teenagers.

D. David Crystal is at loggerheads with others on the understanding and assessment of teenagers' language abilities.

→ **Chọn đáp án đúng:** C. Tony McEnery was taken aback to discover some unusual slang words invented by teenagers.

Kiến thức: Tìm thông tin không có trong đoạn

Điều nào sau đây KHÔNG được đề cập trong bài đọc?

A. Chiến dịch do Cô Gross phát động nhằm mục đích giúp đỡ những người trẻ gặp khó khăn trong việc sử dụng ngôn ngữ trang trọng.

B. Theo Cô Gross, một cách tiếp cận đa chiều sẽ giúp thanh thiếu niên sử dụng ngôn ngữ một cách hiệu quả.

C. Tony McEnery đã kinh ngạc khi phát hiện ra một số từ lóng khác thường do thanh thiếu niên phát minh ra.

D. David Crystal bắt đồng quan điểm với những người khác về sự hiểu biết và sự đánh giá khả năng về ngôn ngữ của thanh thiếu niên.

Thông tin:

+ She is starting a national campaign to help young people make better use of their language skills. (Cô ấy đang bắt đầu một chiến dịch quốc gia nhằm giúp những người trẻ tận dụng tốt hơn các kỹ năng ngôn ngữ của mình.)

+ She says, "We must teach them to see the difference between texting language and the proper English they'll need for real success - 800 words aren't enough for any career." (Cô ấy nói: "Chúng ta phải dạy họ thấy được sự khác biệt giữa ngôn ngữ nhắn tin và tiếng Anh chuẩn mực mà họ cần cho sự thành công thực sự - 800 từ không đủ cho bất kỳ nghề nghiệp nào.")

→ A được đề cập.

+ To support this, she plans to send students with video cameras into workplaces so they can record how professionals use language and report back to their classmates. She also encourages parents to reduce their children's TV time and replace it with real conversations. (Để hỗ trợ điều này, cô ấy có kế hoạch cử học sinh mang theo máy quay video đến nơi làm việc để họ có thể ghi lại cách các chuyên gia sử dụng ngôn ngữ và báo cáo lại cho các bạn cùng lớp. Cô ấy cũng khuyến khích các bậc cha mẹ giảm thời gian xem TV của con mình và thay thế bằng những cuộc trò chuyện thực tế.)

→ B được đề cập.

+ However, not all experts agree. Linguist David Crystal argues that teenagers are, in fact, highly expressive and creative with words; their vocabulary is simply focused on subjects they care about, such as music, gaming, and social life. (Tuy nhiên, không phải tất cả các chuyên gia đều đồng ý. Nhà ngôn ngữ học David Crystal lập luận rằng trên thực tế, thanh thiếu niên có khả năng diễn đạt và sáng tạo rất tốt với ngôn từ; vốn từ vựng của họ chỉ đơn thuần là tập trung vào các chủ đề mà họ quan tâm, chẳng hạn như âm nhạc, chơi game và đời sống xã hội.)

→ D được đề cập.

+ He found that teens use their top 20 words in one-third of all their speech, along with slang unknown to most adults - such as "chened" (tired), "spong" (silly), and "lol" (laugh out loud). (Ông phát hiện ra rằng thanh thiếu niên sử dụng 20 từ phổ biến nhất của họ trong 1/3 tổng số lời nói của họ, cùng với những tiếng lóng mà hầu hết người lớn không biết - chẳng hạn như "chened" (mệt mỏi), "spong" (ngớ ngẩn) và "lol" (cười lớn).)

→ C không được đề cập vì thông tin chỉ nói Tony McEnery phát hiện ra từ lóng, nhưng không hề nói ông 'was taken aback' (kinh ngạc).

→ **Chọn đáp án C**

Câu 39

Which of the following can be inferred from the passage?

Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

- A. The long-term impact of text messages on teen language has yet to be comprehended.
B. The anti-school culture is seen as a normal aspect of teenagers' development.
✓ C. Society tend to undervalue linguistic skills outside conventional or formal standards.
D. Teens should be exposed to formal language daily so that they can talk properly.
→ **Chọn đáp án đúng:** C. Society tend to undervalue linguistic skills outside conventional or formal standards.

Kiến thức: Suy luận

Điều nào sau đây có thể được suy ra từ bài đọc?

- A. Tác động lâu dài của tin nhắn văn bản đối với ngôn ngữ của thanh thiếu niên vẫn chưa được hiểu rõ.
B. Văn hóa chống đối trường học được coi là một khía cạnh bình thường trong quá trình phát triển của thanh thiếu niên.
C. Xã hội có xu hướng đánh giá thấp các kỹ năng ngôn ngữ ngoài các tiêu chuẩn thông thường hoặc trang trọng.
D. Thanh thiếu niên nên được tiếp xúc với ngôn ngữ trang trọng hàng ngày để có thể nói chuyện một cách đúng đắn.

Thông tin:

+ A new generation of teenagers who mostly talk online or through text messages may face unemployment in the future because their everyday vocabulary is very limited - around 800 words, experts warn. (Các chuyên gia cảnh báo rằng một thế hệ thanh thiếu niên mới, những người chủ yếu nói chuyện trực tuyến hoặc qua tin nhắn văn bản có thể phải đối mặt với tình trạng thất nghiệp trong tương lai vì vốn từ vựng hàng ngày của họ rất hạn chế - khoảng 800 từ.)

→ A sai ở 'has yet to be comprehended' vì tác động của việc chủ yếu dùng tin nhắn văn bản để giao tiếp đã được hiểu rõ đó là làm hạn chế vốn từ vựng và gây tổn hại đến triển vọng nghề nghiệp trong tương lai của thanh thiếu niên.

+ He adds that this behaviour reflects a wider "anti-school" attitude that parents and teachers must address. (Ông nói thêm rằng hành vi này phản ánh thái độ "chống đối trường học" rộng hơn mà phụ huynh và giáo viên phải giải quyết.)

→ B sai ở 'normal' vì việc John Bald nhấn mạnh thái độ "chống đối trường học" là điều mà 'parents and teachers must address' (phụ huynh và giáo viên phải giải quyết) cho thấy đây là một vấn đề nghiêm trọng, không phải 'bình thường'.

→ D không thể suy ra từ bài đọc vì không có thông tin đề cập 'Teens should be exposed to formal language daily'.

+ However, not all experts agree. Linguist David Crystal argues that teenagers are, in fact, highly expressive and creative with words; their vocabulary is simply focused on subjects they care about, such as music, gaming, and social life. He believes this variation shows flexibility rather than laziness, proving that young people adapt language to suit their own world and identity. (Tuy nhiên, không phải tất cả các chuyên gia đều đồng ý. Nhà ngôn ngữ học David Crystal lập luận rằng trên thực tế, thanh thiếu niên có khả năng diễn đạt và sáng tạo rất tốt với ngôn từ; vốn từ vựng của họ chỉ đơn thuần là tập trung vào các chủ đề mà họ quan tâm, chẳng hạn như âm nhạc, chơi game và đời sống xã hội. Ông tin rằng sự khác biệt này thể hiện sự linh hoạt hơn là sự lười biếng, chứng tỏ rằng những người trẻ thích nghi ngôn ngữ để phù hợp với thể giới và bản sắc của riêng họ.)

→ C có thể được suy ra từ bài đọc.

→ **Chọn đáp án C**

Câu 40

Which of the following best summarises the passage?

- A. Experts caution that teenagers' limited vocabulary risks unemployment, prompting Jean Gross to advocate for broader language use in education and at home.

Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

✓ **B. Experts warn that teens' limited vocabulary may harm job prospects, leading to a language campaign and debates among experts over rebellion or creativity in teen speech.**

C. Experts warn that teenagers' limited 800-word everyday online vocabulary will negatively affect their job prospects, prompting an effort to teach them formal language skills.

D. Teenagers use a slang-filled "teenspeak" with friends to rebel against formal education, though some experts argue this shows great creative language flexibility.

→ **Chọn đáp án đúng:** B. Experts warn that teens' limited vocabulary may harm job prospects, leading to a language campaign and debates among experts over rebellion or creativity in teen speech.

Kiến thức: Tóm tắt bài đọc

Điều nào sau đây tóm tắt tốt nhất bài đọc?

A. Các chuyên gia cảnh báo rằng vốn từ vựng hạn chế của thanh thiếu niên có nguy cơ gây ra sự thất nghiệp, thúc đẩy Jean Gross vận động cho việc sử dụng ngôn ngữ rộng rãi hơn trong giáo dục và ở nhà. → Sai vì chỉ nêu vấn đề và tập trung vào giải pháp của Jean Gross mà bỏ qua các cuộc tranh luận giữa các chuyên gia như John Bald hay David Crystal.

B. Các chuyên gia cảnh báo rằng vốn từ vựng hạn chế của thanh thiếu niên có thể gây tổn hại đến triển vọng việc làm, dẫn đến một chiến dịch ngôn ngữ và các cuộc tranh luận giữa các chuyên gia về sự nổi loạn hay sự sáng tạo trong cách nói của thanh thiếu niên. → Tóm tắt tốt nhất ý chính của bài đọc.

C. Các chuyên gia cảnh báo rằng vốn từ vựng trực tuyến hàng ngày chỉ 800 từ của thanh thiếu niên sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến triển vọng việc làm của họ, thúc đẩy một nỗ lực nhằm dạy họ các kỹ năng ngôn ngữ trang trọng. → Sai trong tự đáp án A vì chỉ nêu vấn đề và tập trung vào nỗ lực của Jean Gross mà bỏ qua các cuộc tranh luận giữa các chuyên gia như John Bald hay David Crystal.

D. Thanh thiếu niên sử dụng "ngôn ngữ tuổi teen" đầy tiếng lóng với bạn bè để nổi loạn chống lại giáo dục chính quy, mặc dù một số chuyên gia lập luận rằng điều này cho thấy sự linh hoạt sáng tạo tuyệt vời trong ngôn ngữ. → Sai vì chỉ tập trung vào các cuộc tranh luận giữa các chuyên gia mà không khái quát đến vấn đề bao trùm của vốn từ vựng hạn chế cũng như chiến dịch của Jean Gross.

Tóm tắt:

Các chuyên gia cảnh báo rằng vốn từ vựng hàng ngày rất hạn chế - khoảng 800 từ của thanh thiếu niên có thể gây tổn hại đến triển vọng nghề nghiệp của họ, điều này đã dẫn đến một chiến dịch ngôn ngữ quốc gia của Jean Gross và các cuộc tranh luận giữa các chuyên gia như John Bald hay David Crystal về sự chống đối hay sự sáng tạo và linh hoạt trong ngôn ngữ của thanh thiếu niên.

→ **Chọn đáp án B**

Tổng hợp đáp án

Câu	Đáp án đúng
1	B. disruptions
2	C. shut out
3	D. whose

Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

4	B. so that
5	C. number
6	A. poor drainage systems
7	D. cooperation
8	C. Set
9	D. each
10	B. disputes
11	D. with
12	D. showing
13	B. d – a – c – e – b
14	D. c – b – d – a – e
15	A. b – e – c – a – d
16	D. b – c – a
17	B. b – e – a – c – d
18	C. often normalises disrespect and aggression
19	D. a reality that teachers, parents, and digital platforms struggle to confront
20	A. they rarely consider the consequences their words may bring
21	D. the truth is that hearing it too often dulls people’s sense of how words can hurt
22	C. build an online culture defined by civility, empathy, and responsibility

Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

23	D. competing against humans
24	C. robot footballers
25	B. copying
26	A. secure
27	D. Many fans believe robots can't match the emotional depth and unexpected nature of football played by humans.
28	D. Human footballers possess inherent abilities that are hard to programme into robots.
29	A. Paragraph 3
30	B. Paragraph 2
31	C. can't get a job easily because their vocabulary range is limited
32	C. unable to express thoughts clearly
33	C. young people
34	A. observe how workers use language
35	B. Research by Tony McEnery showed that teenagers use a very limited set of words and invent slang terms unfamiliar to adults.
36	D. John Bald notes that opposition to schooling is evident in this behaviour, which parents and teachers should tackle.
37	C. (IV)
38	C. Tony McEnery was taken aback to discover some unusual slang words invented by teenagers.
39	C. Society tend to undervalue linguistic skills outside conventional or formal standards.
40	B. Experts warn that teens' limited vocabulary may harm job prospects, leading to a language campaign and debates among experts over rebellion or creativity in teen speech.

Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!